

**NHỮNG ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
VỤ ĐÔNG XUÂN 1978 - 1979 Ở BÌNH TRỊ THIÊN**

Lê Giáo
(Đài KTTV Bình trị thiên)

NẾU chỉ căn cứ vào năng suất trung bình của lúa đã thu hoạch trên toàn tỉnh mà nói thì vụ đông xuân năm 1978 - 1979 là vụ tương đối được mùa. Tuy so với vụ đông xuân 1975 - 1976, năng suất lúa chưa bằng; nhưng so với các vụ đông xuân 1976-1977 hoặc 1977-1978, năng suất trung bình vụ vừa qua cao hơn vài, ba tạ.

Tuy tương đối được mùa, nhưng không vì thế mà nói những điều kiện khí tượng nông nghiệp đã diễn ra trong vụ là thuận lợi. Trái lại vì gặp những điều kiện không có lợi, cho nên tổng diện tích gieo trồng được trong vụ đến cuối tháng IV-1979 này mới đạt có 54% so với kế hoạch. Mặt khác diện đã được gieo trồng, cây sinh trưởng không tốt; có thứ không cho kết quả thu hoạch, hoặc có thì năng suất và sản lượng rất kém. Vậy ta hãy xem những điều kiện khí tượng nông nghiệp đã ảnh hưởng đến vụ đông xuân này như thế nào?

1. Sự hoạt động của không khí lạnh không dày lắm và nhìn chung là yếu : kể từ tháng X - 1978 đến tháng IV - 1979, tổng số các đợt không khí lạnh tràn đến Bình trị thiên, gây ra gió mùa đông bắc là 26 đợt. Nếu so với trung bình nhiều năm cùng kỳ (viết tắt TBNCK), vụ đông xuân vừa qua tăng hơn 6 đợt; so với vụ đông xuân 1977 - 1978, kém 2 đợt; và kém tới 7 đợt nếu so với vụ đông xuân 1976-1977. Trong 7 tháng, đáng kể có 3 tháng : XI, XII/1978 và tháng I/1979 là có số đợt không khí lạnh tràn về khá nhiều. Tuy vậy, nếu chỉ lấy số đợt nhiều nhất của một tháng để so sánh, thì chưa có tháng nào bằng tháng I/1978, hoặc tháng XI/1976 (xem bảng 1)

Bảng 1.- Số đợt không khí lạnh trong 3 vụ đông xuân liên tiếp.

Tháng Vụ đông xuân	X	XI	XII	I	II	III	IV	Tổng số
1976 - 1977	5	8	5	5	5	3	2	33
1977 - 1978	3	3	3	7	4	4	4	28
1978 - 1979	2	5	5	5	4	3	2	26
TBNK	2,4	3,0	3,0	3,3	3,1	2,7	2,6	20,1

2. Gió mùa tây nam hoạt động khá sớm, chiếm nhiều ngày trong vụ đông xuân: Trong toàn tỉnh mở đầu cho đợt gió mùa tây nam xảy ra từ ngày 21 - 25/II/1979. Trong tháng III đã có 2 đợt xảy ra vào các ngày 9 - 11 và 29-31. Tháng IV cũng có

2 đợt xảy ra từ ngày 1-2 và 25-28. Còn tùy điều kiện địa hình của từng nơi mà số ngày có gió khô nóng khác nhau. Nhiều nhất là vùng Đông hà, Nam đông; ít nhất là vùng Huế và A lưới (xem bảng 2).

Bảng 2. Số ngày gió tây nam khô nóng trong vụ đông xuân 1978 - 1979.

Địa điểm Tháng	Tuyên hóa	Ba đồn	Đông hới	Lệ thủy	Đông hà	Khe sanh	A lưới	Huế	Nam đông
II	5	5	4	3	6	1	0	1	8
III	5	2	6	10	19	8	4	2	9
IV	5	1	4	2	10	5	5	1	15
Cộng	15	8	14	15	35	14	9	4	32

Điều đặc biệt là năm nay gió khô nóng hoạt động không những sớm mà nhiều ngày, khác với vụ đông xuân 1972 - 1973, hay vụ đông xuân 1975-1976. Ở 2 vụ đó, tuy gió khô nóng cũng đã xuất hiện sớm vào hạ tuần tháng II, nhưng sang tháng III lại không có đợt nào (1973), hoặc chỉ có 1 ngày vào trung tuần tháng III (1976), do đó hạn chế được rất nhiều về tỉ lệ lúa bị lép và hạn chế mức độ thiếu nước. Trái lại vụ đông xuân vừa rồi, không có những điều kiện như đã nói trên, cho nên tỉ lệ lép tăng nhanh và mức độ hạn cũng tăng nhanh.

3. Tổng lượng mưa cả vụ phân lớn hụt so với TBNCK. Hạn kéo dài, riêng miền núi hạn nghiêm trọng: Dùng tổng lượng mưa cả vụ để so sánh với lượng mưa TBNCK thấy nhiều nơi hụt. Lượng hụt này biến động trong khoảng 17-642mm. Trừ vùng núi Nam đông vượt được 363mm và A lưới vượt được 152mm. Tuy vậy không phải hai nơi này hạn không xảy ra mạnh mẽ, vì lượng mưa ở hai nơi đó phần nhiều tập trung vào hạ tuần tháng X đến trung tuần tháng XII năm 1978.

Đem tổng lượng mưa vụ vừa qua so với vụ đông xuân 1977-1978, cũng thấy các nơi trong tỉnh hụt từ 43 - 1051mm (trừ Nam đông nhiều hơn 685mm, Huế hơn 159mm); so với vụ đông xuân 1976 - 1977 lại cũng hụt từ 167 - 814mm (trừ Tuyên hóa vượt 359mm, A lưới vượt 261mm - xem bảng 3). Như vậy, vụ đông xuân vừa qua nói chung mưa ít. Đặc biệt vùng núi Khe sanh mưa rất ít, cả vụ chỉ được 355mm; suốt tháng II và cả tháng III, mưa có 4mm.

Bảng 3. So sánh lượng mưa của 3 vụ đông xuân liên tiếp (mm)

Địa điểm Vụ đông xuân	Tuyên hóa	Ba đồn	Đông hới	Lệ thủy	Đông hà	Khe sanh	A lưới	Huế	Nam đông
1976 - 1977	667	1244	1807	1883	2021	700	1019	2026	2014
1977 - 1978	1234	1120	2059	2120	1331	1007	1666	1507	1329
1978 - 1979	1006	1077	1113	1069	1233	355	1280	1666	1410
TBNK	1023	1105	1273	1711	1734	773	1128	2081	1047

Thời gian hạn bắt đầu từ thượng tuần tháng I kéo dài đến ngày 17/IV/1979 là ngày mà tại A lưới đã có mưa được 21mm (điểm mưa sớm nhất trong toàn tỉnh). Sau đó nhiều nơi đã tiếp tục có mưa. Giai đoạn hạn căng thẳng nhất xảy ra toàn tỉnh là sau ngày 16/II đến ngày 16/IV/1979. Thời gian ấy tác động đến giai đoạn sinh trưởng sinh thực của nhiều loại cây trồng ngắn ngày trong vụ.

4. Nhiệt độ không khí trung bình cả vụ cao hơn TBNCK : Nhìn chung nhiệt độ trung bình vụ biến động trong khoảng 20 - 23°C, là một vụ đông xuân ẩm liên tiếp, sau vụ đông xuân 1977 - 1978. So với TBNCK, vụ này nóng hơn từ 0,3 - 0,8°C (trừ A lưới và Huế bằng TBNCK). So với vụ đông xuân 1977 - 1978 có lạnh hơn và mức độ nhiệt giảm từ 0,1 - 1,1°C. So với vụ đông xuân 1976 - 1977 ẩm hơn từ 0,2 - 1,1°C.

Xét về trị số thấp nhất, thấy rằng : chưa có nơi nào thấp bằng giá trị thấp nhất của nhiều năm; nhưng đã có nơi xuống thấp hơn so với đông xuân 1976-1977 hoặc so với đông xuân 1977-1978 như Đồng Hới hoặc A lưới (thấp hơn khoảng 0,3-0,7°C - (xem bảng 4)

Bảng 4: Nhiệt độ không khí trung bình và thấp nhất của 3 vụ đông xuân liên tiếp.

Yếu tố vụ	Nhiệt độ trung bình vụ (°C)				Nhiệt độ thấp nhất vụ (°C)			
	1976-1977	1977-1978	1978-1979	TBNCK	1976-1977	1977-1978	1978-1979	TBNCK
Địa điểm								
Tuyên hóa	21,6	22,2	21,8	21,5	8,9	9,4	10,5	6,5
Ba đồn	21,7	22,9	22,8	22,0	10,7	10,9	11,0	8,6
Đồng hới	21,8	22,8	22,4	22,0	11,0	11,3	10,6	7,8
Lệ thủy	22,1	23,2	23,0	22,4	11,5	12,4	11,8	9,2
Đồng hà	22,4	23,5	23,1	22,4	11,9	12,1	12,1	9,3
Khe sanh	20,4	21,4	21,3	20,5	9,3	10,7	10,7	9,0
A lưới	19,7	21,1	20,0	20,1	7,2	10,3	10,0	3,8
Huế	22,8	23,8	23,4	23,4	11,8	13,0	13,5	8,8
Nam đồng	22,6	23,4	23,1	22,6	12,7	12,7	14,4	9,3

Do gió tây nam khô nóng hoạt động nhiều ngày, nên hệ quả của nó là nóng kéo theo hạn và khi hạn đã xảy ra lại thúc đẩy quá trình nóng tăng thêm. Xét đến nhiệt độ cao nhất có hại cho nhiều cây trồng trong vụ, đặc biệt khi lúa xuân vào giai đoạn sinh trưởng sinh thực gặp nhiệt độ cao và độ ẩm giảm thấp, tác hại rất nghiêm trọng.

Vụ đông xuân vừa qua, đáng kể là từ hạ tuần tháng II/1979 trở đi, các giá trị cực đại của nhiệt độ đã ảnh hưởng theo chiều bất lợi cho lúa đang trở bông, nở hoa, hoặc ngâm sữa, chắc xanh (xem bảng 5)

Bảng 5. Nhiệt độ không khí cao nhất (°C) và ngày xảy ra.

Địa điểm \ Yếu tố	Tháng X		XI		XII		I		II		III		IV	
	Tx	Ngày	Tx	Ngày	Tx	Ngày	Tx	Ngày	Tx	Ngày	Tx	Ngày	Tx	Ngày
Tuyên hóa	33,0	2	28,4	18	28,4	9	31,1	28	36,0	23	38,4	31	38,1	2
Ba đồn	X	X	27,6	18	26,4	9	26,2	6	35,6	24	37,2	30	38,6	2
Đồng hơi	32,5	2	27,5	9	26,3	9	26,4	11	36,4	25	38,6	31	39,0	2
Lệ thủy	31,4	3	27,5	6	26,1	26	27,0	17	36,3	25	37,4	31	37,1	1
Đồng hà	32,6	2	28,1	6	26,6	9	29,0	28	37,1	25	39,3	31	40,2	2
Khe sanh	30,1	4	26,6	1	25,7	26	30,6	28	35,7	25	35,9	9	36,9	2
A lưới	30,7	3	26,0	X	24,4	X	29,2	28	33,9	24	36,2	30	37,2	2
Huế	34,1	3	28,4	6	27,1	8	30,9	29	35,9	21	38,6	30	37,9	1
Nam đông	34,6	3	30,0	X	28,0	31	33,3	28	37,7	24	39,5	31	39,7	2

5. Độ ẩm không khí trung bình cả vụ thấp : Trị số độ ẩm trung bình cả vụ đồng xuân vừa qua biến động từ 86 - 90%. Nơi có độ ẩm khá thấp là Đồng hơi, Đồng hà, Huế và Nam đông. Trị số thấp nhất của độ ẩm xảy ra từ tháng II/1979 trở đi, cùng với nhiệt độ cao, đã gây tác hại đáng kể đối với cây trồng (xem bảng 6)

Bảng 6. Độ ẩm không khí trung bình của vụ và trung bình thấp nhất vụ (%)

Địa điểm \ Yếu tố	Tuyên hóa	Ba đồn	Đồng hơi	Lệ thủy	Đồng hà	Khe sanh	A lưới	Huế	Nam đông
Ư	88	88	86	88	86	87	90	86	86
Um	46	50	49	54	49	44	40	54	45

6. Tổng lượng bốc hơi khá nhiều : Lượng bốc hơi cả vụ biến động trong khoảng 360 - 650mm. Nơi bốc hơi ít nhất là Ba đồn, nhiều nhất là Lệ thủy. Lượng bốc hơi tháng lớn nhất, xảy ra không cùng thời kỳ. Cụ thể : Ba đồn, Đồng hơi và Lệ thủy xảy ra tháng X - 1978; Tuyên hóa, Đồng hà, Khe sanh và A lưới xảy ra tháng III-1979; Huế, Nam đông, tháng IV-1979 (xem bảng 7)

7. Tổng số giờ nắng vụ vừa qua nhiều hơn vụ đồng xuân 1977 - 1978 khoảng 46 - 174 giờ. Nắng nhiều nhất là vùng núi A lưới, sau đó là vùng Đồng hà và Ba đồn, ít giờ nắng nhất chỉ có vùng núi Tuyên hóa. Nhìn chung tháng IV-1979 nắng nhiều hơn các tháng trước đó (trừ A lưới tháng I có số giờ nắng nhiều nhất (xem bảng 8)

Ngoài những yếu tố khí tượng nêu trên, còn một đợt lũ xảy ra trong trận mưa từ ngày 23-24/X/1978, làm cho mạ gieo ở vùng giữa tỉnh bị cuốn trôi và những thiệt hại khác.

Bảng 7. Tổng lượng bốc hơi tháng của vụ đông xuân 78-79
(đơn vị lấy tròn milimét)

Tháng Địa điểm	X	XI	XII	I	II	III	IV	Tổng cộng
Tuyên hóa	68	37	49	30	63	86	79	412
Ba đồn	71	46	56	37	47	51	53	361
Đồng hới	114	70	73	52	74	80	72	535
Lệ thủy	129	108	87	61	90	95	78	648
Đồng hà	86	73	65	59	87	109	107	586
Khe sanh	64	57	45	54	88	115	112	535
A lười	47	X	37	53	62	82	79	X
Huế	71	43	43	53	57	67	76	410
Nam đồng	50	X	35	66	75	93	110	X

Bảng 8. Tổng giờ nắng tháng của vụ đông xuân 1978 - 1979
(đơn vị lấy tròn giờ)

Tháng Địa điểm	X	XI	XII	I	II	III	IV	Tổng cộng
Tuyên hóa	109	74	73	77	115	127	145	720
Ba đồn	129	103	100	114	153	133	156	888
Đồng hới	138	112	77	120	144	130	150	871
Lệ thủy	120	109	76	108	145	127	165	850
Đồng hà	115	115	96	129	149	118	167	889
A lười	85	110	103	201	188	196	172	1005
Nam đồng	78	X	91	172	185	142	189	X

Trên đây đã trình bày những nét nổi bật của thời tiết trong vụ đông xuân 1978 - 1979 tại tỉnh Bình Trị Thiên, những yếu tố đó ảnh hưởng trực tiếp đến cây trồng trong vụ, có những yếu tố gây tác hại nổi bật như :

Mưa lũ đầu vụ tuy có làm thiệt hại phần nào đến mạ chiêm, đến sản của vụ hè thu năm 1978 chưa tới kỳ thu hoạch, nhưng thiệt hại này không bằng hạn nặng và hạn kéo dài, làm cho rất nhiều cây trồng thiếu nước, không sinh trưởng và phát triển nổi. Lúa, ngô gieo ở vùng núi không kết quả được. Năng suất kê, lạc, vừng và các loại đậu đỗ ... rất thấp. Sản trồng trong vụ được 31.400ha, vì hạn mà mọc không đều, số

đã mọc, do thiếu ẩm nên cây thấp, còi cọc; một số héo rồi chết. Các loại rau, dưa, bầu bí trồng trong vụ cũng chẳng đạt kết quả cao, khoai lang bị sùng hà, thuốc lá nhiều nơi mất v.v.

Các cây trồng trong vụ sống trong điều kiện nhiệt độ cao, nói cách khác là ẩm, nên thời gian sinh trưởng bị rút ngắn. Thí dụ như thời gian sinh trưởng của cây lúa đã rút ngắn trên 10 ngày. Đặc biệt do ẩm nên lúa chín khá đồng đều, mặc dù khác nhau về trà cấy. Điều này dẫn đến một hệ quả là không kịp gặt để giải phóng đất làm vụ tiếp茬. Ẩm đầu vụ, tuy tạo được điều kiện lao động trên đồng ruộng, nhưng mà sinh trưởng rất nhanh, không được thông qua những đợt rét, nên sức đẻ nhánh yếu, chưa thực hiện quá trình sinh trưởng dinh dưỡng một cách hoàn chỉnh, đã vội sang ngay quá trình sinh trưởng sinh thực, vì thế năng suất và sản lượng giảm.

Nắng ẩm còn tạo điều kiện cho sâu bệnh hại cây trồng phát triển, như khoai lang thì sùng hà phá củ rất nhanh, sản loại nhện đỏ xuất hiện và lan tràn rất sớm. Năm nay lúa xuân không bị bệnh đạo ôn và rầy các loại phá hại thành dịch, vì thiếu ẩm; nhưng sâu Nấm bệnh đốm nâu lụi, bệnh khô vằn, nổi lên làm cho một số nơi phải gấp rút phòng chống.

Tóm lại vụ đông xuân 1978 - 1979, ở Bình trị thiên chỉ có cây lúa nước là tương đối được mùa, vì nhiều nơi đã có đủ điều kiện phòng chống hạn, ngoài ra các cây trồng khác đều mất mùa.

CHẾ ĐỘ ẨM ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG ...

(tiếp theo trang 22)

ngày ở Tiên yên v.v. Ngược lại thời kỳ đủ ẩm chiếm phần lớn số ngày trong năm nếu lấy suất bảo đảm là 80% số năm thử số ngày đủ ẩm kéo dài trên 200 ngày như vậy gần bằng 2/3 số thời gian trong năm được bảo đảm ẩm. Thời gian không bảo đảm ẩm và khô hạn chỉ chiếm khoảng 1/3 số thời gian trong năm (xem bảng 8)

Bảng 8. Số ngày kéo dài trong thời kỳ đủ ẩm với các suất bảo đảm khác nhau

TT	Trạm	Suất bảo đảm %										
		5	10	20	30	40	50	60	70	80	90	95
1	Đỉnh lập	280	261	233	220	211	204	199	196	194	191	187
2	Móng cái	338	318	290	270	253	240	227	218	209	196	180
3	Tiên yên	360	320	284	270	250	233	220	213	204	194	180
4	Bãi chày	255	245	233	226	219	213	209	205	202	194	189
5	Cổ tô	336	304	270	246	228	214	204	196	188	175	160
6	Cửa ông	320	302	283	268	255	243	231	220	207	190	173

Nếu xét hệ số thủy nhiệt trong cả mùa đông tại nhiều nơi ở Quảng ninh được bảo đảm ẩm (bảng 2). Đây là một trong những điều kiện khí hậu rất thuận lợi đối với sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh Quảng ninh.